TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **402**/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận Hai Bà Trưng, ngày 30 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149; Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Đều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 563/2020/TLST - VHNGĐ ngày 10/9/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Trương Thị Mai P**; sinh năm 1979; Nơi ĐKHKTT: Số 1/87 ngõ P, phường O, quậnI, thành phốHN; Nơi ở: Số 2 ngách 11 ngõ 288 U, phường Y, quận Y, thành phố HN.

- **Anh Tạ Mạnh H**; sinh năm 1979; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: : Số 1/87 ngõ P, phường O, quậnI, thành phốHN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Trương Thị Mai P và anh Tạ Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2004 tại UBND phường R, thành phố E, tỉnh W. Trước khi kết hôn anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại địa chỉ : Số 1/87 ngõ P, phường O, quậnI, thành phốHN, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến hai bên thường nảy sinh những bất đồng không thể hàn gắn được. Nay chị Trương Thị Mai P và anh Tạ Mạnh H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn.

Ngày 22/9/2020, Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng chị P và anh H không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thoả thuận với nhau về các nội dung: tài sản, vay nợ, nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc dân sự như được ghi nhận tại Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản lập ngày 22/9/2020.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của chị P và anh H được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản lập ngày 22/9/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mai P và anh Tạ Mạnh H cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Trương Thị Mai P và anh Tạ Mạnh H cùng xác nhận có hai con chung là Tạ Thanh G, sinh ngày 17/10/2004 và Tạ Nguyên V, sinh ngày 21/5/2011, hiện nay sức khỏe hai con chung bình thường và phát triển tốt, khi ly hôn hai bên thỏa thuận chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

- Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh H thỏa thuận mỗi tháng anh Hùng cấp dưỡng nuôi cháu G 5.000.0000 đồng (năm triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu V 5.000.0000 đồng (năm triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị P và anh H xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về vay nợ chung: Chị P và anh H xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

2. Về lệ phí: Chị P tự nguyện chịu cả 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí chị P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003940 ngày 10/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận I.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND quận I;
- UBND phường Y, thành phố T (số 13 quyển số 01/2004 ngày 01/3/2004)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Thị Thu Hà